Số: 1390/QĐ-BNNMT
Thời gian ký: 2026-04-20T16:04:20+07:00

Phụ lục 1
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG
Lĩnh vực: Trồng trọt - Bảo vệ thực vật

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Mô hình trồng, thâm canh cây đào - Mã sản phẩm: TR6828

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Tính 5ha/vụ/người

B. Định mức, máy móc thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1ha

Thời kỳ			Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Thời kỳ kiến thiết cơ bản	Năm thứ nhất	1	Giống trồng mới	Cây	400 - 500	Cây giống ghép, mầm ghép ≥30cm	
		2	Giống trồng dặm	Cây	20 - 25		
		3	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	60 - 80	TCCS	
		4	Vôi bột	kg	400 - 500		
		5	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	2.000		
	Năm thứ 2; năm thứ 3	1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	120 - 150	TCCS	- Lượng phân sử dụng cho từng năm - Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ
		2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	60 - 80		
		3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	80 - 100		

Thời kỳ			Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
		4	Vôi bột	kg	400 - 500		quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
		5	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	2.000		
		6	Thuốc BVTV	Đảm bảo theo quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			
Thời kỳ kinh doanh *(năm thứ 4 trở đi)*		1	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg	250	TCCS	- Lượng phân sử dụng cho từng năm - Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
		2	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	150		
		3	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg	250		
		4	Vôi bột	Kg	500		
		5	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	3.000		
		6	Thuốc BVTV	Đảm bảo theo quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
1	Tập huấn xây dựng mô hình			- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người dân hưởng lợi và tác động từ mô hình
	Số lần	Lần	01 - 02	
	Thời gian	Ngày	01	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết			
	Hội nghị sơ kết	HN/MH	01 - 02	01 ngày/hội nghị
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1 - 2 ngày/hội nghị

2. Mô hình sản xuất hoa lan hồ điệp thương phẩm – Mã sản phẩm: TR5709

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/năm	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1.000m^2/người

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Hệ thống nhà màng/nhà kính sản xuất hoa lan hồ điệp**			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	**Hệ thống thiết bị kèm theo**				
-	Thiết bị kiểm soát môi trường (nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng)				
-	Hệ thống thiết bị làm mát và thông gió:				
	Tấm làm mát (Cooling pad)				
	Quạt đối lưu/Quạt đảo gió				
-	Hệ thống thiết bị điều khiển ánh sáng				
-	Hệ thống thiết bị điều khiển độ ẩm				
-	Hệ thống thiết bị điều khiển nhiệt độ				
-	Hệ thống tưới				
-	Thiết bị kiểm tra, theo dõi				

C. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1000m^2

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
I	**NĂM THỨ NHẤT (cây sau ra ngôi nuôi cấy mô đến 12 tháng tuổi)**				

1	Giống lan hồ điệp	Cây	27.000	Ra ngôi được 2 - 4 tháng, cỡ chậu 1.5 (5 cm x 5 cm)	
2	Phân bón NPK – vi lượng				
	NPK 30-10-10 + TE	Kg	10		Giai đoạn cây từ 4 - 8 tháng tuổi
	NPK 20-20-20 + TE	Kg	20		Giai đoạn cây từ 8 – 12 tháng tuổi
3	Kích thích sinh trưởng	Gram	30	TCCS	
4	Giá thể trồng cây	Kg	450	Giá thể bằng rêu đã được tẩy trắng. Ép khô độ ẩm dưới 20%. Đóng kiện: 5kg/kiện	Chuyển từ chậu 1.5 sang chậu 2.5 (8,3 cm x 8,3 cm)
5	Chậu trồng cây 2.5	Cái	27.000	Kích thước 8,3 x 8,3 cm (chậu 2.5), chậu mềm, màu trắng trong	
6	Khay để cây 1.5	Cái	1.350	Khay 4 rãnh, kích thước 49x28x4cm, để 20 cây/khay	
7	Khay để cây 2.5	Cái	2.700	Khay 15 lỗ, kích thước 44x26x5,5cm, để 10 cây/khay	
8	Thuốc BVTV			TCCS	
-	Thuốc phòng trừ bệnh thối nhũn	Lít/Kg	0,2		
-	Thuốc trừ bệnh thối đen	Lít/Kg	0,2		
-	Thuốc trừ rệp sáp, nhện	Lít/Kg	0,1		
II	**NĂM THỨ HAI (cây được 12 tháng tuổi đến khi thu hoạch)**				
1	Giống lan hồ điệp	Cây	27.000	Ra ngôi được 10-12 tháng, cỡ chậu 8,3 x 8,3 cm (chậu 2.5)	
2	Phân bón NPK – vi lượng				
	NPK 20-20-20 + TE	Kg	30		Giai đoạn cây 12 tháng tuổi đến ra hoa

	NPK 10-30-20 + TE	Kg	10		Giai đoạn cây sau xử lý phân hóa mầm hoa
3	Kích thích sinh trưởng	Gram	60	TCCS	
4	Giá thể trồng cây	Kg	600	Giá thể bằng rêu đã được tẩy trắng. Ép khô độ ẩm dưới 20%. Đóng kiện: 5kg/kiện	Chuyển từ chậu 2.5 sang chậu 3.5 (12 cm x 12 cm)
5	Chậu trồng cây 3.5	Cái	27.000	Kích thước 12 x 12 cm (chậu 3.5), chậu mềm, màu trắng trong	
6	Khay để cây 3.5	Cái	3.375	Khay 12 lỗ, kích thước 43x32x7cm, để 8 cây/khay	
7	Thuốc BVTV			TCCS	
-	Thuốc phòng trừ bệnh thối nhũn	Lít/Kg	0,4		
-	Thuốc trừ bệnh thối đen	Lít/Kg	0,4		
-	Thuốc trừ rệp sáp, nhện	Lít/Kg	0,2		

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần	01 - 02	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
-	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
-	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01 - 02	1 ngày/HN	
-	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	1-2 ngày/HN	